

Số: KH-UBND

Thanh Định, ngày tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của
Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên
giai đoạn 2025 – 2030 trên địa bàn xã Thanh Định, huyện Định Hóa.**

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030; Kế hoạch số 59/KH-UBND, ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030; Nghị quyết số 19-NQ/HU ngày 24/3/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển ngành chè Định Hóa giai đoạn 2025-2030;

Thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 16/04/2025 của UBND huyện Định Hóa về Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2023 trên địa bàn huyện Định Hóa.

Thực hiện Nghị quyết số 115/ NQ-ĐU ngày 01/04/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Thanh Định về phát triển ngành chè xã Thanh Định giai đoạn 2025-2030;

Ủy ban nhân dân xã Thanh Định ban hành Kế hoạch về phát triển ngành chè giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn xã Thanh Định, huyện Định Hóa cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định các nội dung cụ thể để thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11-NQ/TU*); Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các xã trong quá trình triển khai thực hiện.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân về vị trí vai trò và tầm quan trọng của ngành chè xã Thanh Định trong phát triển nông nghiệp của xã và của huyện.

2. Yêu cầu

- Các ban ngành đoàn thể và các xóm trên địa bàn xã phải xác định rõ trách nhiệm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Trong quá trình triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời

giải quyết khó khăn vướng mắc, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết số 11-NQ/TU.

- Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; vận dụng linh hoạt, sáng tạo, lồng ghép các chương trình, đề án, dự án, chính sách của Trung ương, tỉnh và huyện về phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh chè để triển khai thực hiện Kế hoạch đạt kết quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành chè xã Thanh Định gắn với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng; đẩy mạnh sản xuất an toàn, hữu cơ gắn với chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, tăng nhanh tỷ trọng những sản phẩm có chất lượng, giá trị cao; thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất theo chuỗi, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử góp phần nâng cao giá trị, thương hiệu trà của xã Thanh Định theo hướng tích hợp đa giá trị của trà; xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Diện tích chè toàn huyện 231,7ha, sản lượng chè búp tươi đạt 2.545 tấn.

(2) 70% diện tích chè được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP hữu cơ; 70% diện tích chè được cấp mã số vùng trồng.

(3) 100% sở cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm.

(4) 100% doanh nghiệp, hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

(5) Có 01 sản phẩm trà được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP.

(6) 70% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số.

(7) Giá trị sản phẩm chè đạt 375 triệu đồng/ha.

(8) Có 01 hợp tác xã sản xuất chè hoạt động hiệu quả.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết

- UBND xã, Ban chỉ đạo sản xuất xã tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt tới cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nhận thức đầy đủ chủ trương chính sách trong phát triển ngành chè xã Thanh Định gắn với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử theo hướng tích hợp đa giá trị của trà; xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm từ chè để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung nghị quyết đã đề ra.

- Xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền phổ biến phù hợp từng đối tượng, lồng ghép các chương trình đào tạo, tập huấn để chuyển giao khoa học kỹ thuật, chủ trương chính sách, định hướng trong phát triển ngành chè xã Thanh Định tới người sản xuất, kinh doanh trong toàn xã.

2. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch các vùng sản xuất

a) Các xóm trên địa bàn xã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng đất đai, lợi thế phát triển chè để xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu chất lượng cho chế biến. Thực hiện số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

b) Bảo vệ diện tích trồng chè hiện có và đẩy mạnh mở rộng, phát triển bền vững các vùng sản xuất chè:

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ diện tích đất sử dụng vào mục đích trồng chè. Rà soát chuyển một phần diện tích rừng sản xuất ngoài quy hoạch, đất vườn, đất trồng lúa hiệu quả thấp sang đất trồng chè để mở rộng diện tích trồng chè, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Trên cơ sở rà soát hiện trạng, bảo vệ diện tích trồng chè các xóm chủ động xây dựng phương án, kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất và cơ cấu giống chè phù hợp nhu cầu thị trường tiêu thụ để đảm bảo đến năm 2030 diện tích trồng chè trên địa bàn xã đạt 231,74 ha. Tổ chức chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện trồng mới, trồng thay thế những diện tích chè già cỗi cho năng suất thấp bằng những giống chè có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu tốt, cây giống đạt tiêu chuẩn, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và khả năng đầu tư thâm canh, quy trình canh tác (*giống chè Kim tuyên, Hương bắc sơn, LDPI, VN2, VN15, TRI5.0...*) và đáp ứng chế biến sâu, đa dạng hoá các sản phẩm từ chè để đảm bảo cơ cấu giống chè có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn toàn xã đến năm 2030 đạt **75 - 80%** tổng diện tích, giống chè Trung Du đạt **20 - 25%**.

3. Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến chè

a) Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến chè phấn đấu hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 toàn xã có: 70% diện tích chè được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; 70% diện tích chè được cấp mã số vùng trồng; 100% số cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm. Cụ thể:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi phương thức sản xuất từ canh tác truyền thống sang canh tác áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản: Ứng dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm tự động, bán tự động, sử dụng lưới cắt nắng trong sản xuất chè nhằm nâng cao năng suất, chất lượng chè búp tươi; ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản lạnh, sử dụng máy hút chân không, máy đóng gói tự động nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm trà.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các vùng trồng chè chủ động xây dựng hồ sơ, đăng ký cấp mã số vùng trồng đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Thúc đẩy liên kết chặt chẽ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chú trọng đối với thị trường xuất khẩu sản phẩm cao cấp có giá trị cao; cập nhật, áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất, chế biến đảm bảo phù hợp yêu cầu thị trường, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu; thực hiện các biện pháp bảo vệ khi tham gia thị trường xuất khẩu sản phẩm trà.

- Áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến trong chế biến và kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất và chế biến, bảo quản. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tập trung triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đầu tư vào chế biến sâu, đặc biệt là các sản phẩm sau chế biến từ chè có chất lượng cao, mang lại giá trị kinh tế lớn để hình thành ngành công nghiệp chế biến chè tiên tiến. Nghiên cứu, ứng dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng chè dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.

4. Tăng cường củng cố, nâng cao thương hiệu gắn với quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm trà

a) Xây dựng và nâng cao thương hiệu: Tăng cường thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; khuyến khích xây dựng, công nhận thương hiệu đối với các sản phẩm trà.

b) Xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm trà: Ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong kinh doanh; xây dựng và triển khai hiệu quả các website thương mại điện tử để thúc đẩy quảng bá, mở rộng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trà và các sản phẩm từ chè Thanh Định. Tập trung nâng cao chất lượng, nâng hạng sản phẩm trà đạt tiêu chuẩn OCOP của các hợp tác xã gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2030, toàn xã có 01 sản phẩm trà (sau chế biến) được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP; 100% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số.

Tuyên truyền và trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người làm chè những thông tin đầy đủ, các quyền lợi cũng như rào

cán kỹ thuật khi tham gia hội nhập quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại đã ký kết (CPTPP, EVFTA, RCEP, ...).

Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm trà và văn hóa trà xã Thanh Định tại xã, trong và ngoài tỉnh. Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất chè với hệ thống phân phối, tiêu thụ; kết nối giữa người sản xuất, kinh doanh trà với các đối tác, khách hàng; Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức về trà, phát triển văn hoá trà và nghệ thuật thưởng trà Thanh Định.

c) Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, chế biến, kinh doanh chè: Thành lập mới các hợp tác xã, liên hiệp các hợp tác xã; củng cố, nâng cao hiệu quả, quy mô sản xuất của các hợp tác xã, liên hiệp các hợp tác xã; thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông hộ trồng chè nhằm khai thác tiềm năng đất đai, lao động, vốn, kinh nghiệm sản xuất, trình độ quản lý,... tạo ra sản phẩm chất lượng, số lượng lớn góp phần tạo đà cho xuất khẩu trà, nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển bền vững. Đến năm 2030, 100% hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

d) Phát triển sản phẩm du lịch gắn với văn hóa trà có thương hiệu và sức cạnh tranh cao:

Khai thác đa giá trị giữa phát triển ngành chè gắn với văn hóa, lịch sử, du lịch, dịch vụ và môi trường. Rà soát những vùng chè trong xã có điều kiện sản xuất gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, phát triển du lịch và dịch vụ. Các vùng chè chủ động quan tâm đầu tư sản xuất, chế biến, đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh trang vùng sản xuất chè tạo cảnh quan không gian đẹp, ấn tượng, môi trường xanh, sạch phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với vùng chè góp phần nâng cao giá trị, thương hiệu trà Thanh Định.

5. Bảo tồn và nâng cao các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của trà Thanh Định

Nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của các vùng chè trên địa bàn xã gắn với nâng cao giá trị cây chè và sản phẩm trà Thanh Định.

Quy hoạch, xây dựng các không gian lễ hội, không gian thưởng trà... góp phần bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa trà Thanh Định gắn với phát triển du lịch và lễ hội văn hóa đặc trưng của xã.

Tăng cường công tác giáo dục truyền thống, văn hóa, đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với việc bảo tồn các giá trị sản phẩm trà; hình thành ý thức trân quý.

6. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

a) Thực hiện tốt cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị cơ sở trong quá trình thực thi công vụ, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh chè.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm trà Thanh Định; quản lý vật tư đầu vào, quy trình sản xuất, chế biến, nhãn mác, an toàn thực phẩm, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trà.

c) Nâng cao năng lực kiểm tra, quản lý vật tư nông nghiệp, quản lý sản xuất kinh doanh giống cây trồng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; quản lý, kiểm tra, đánh giá doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, kiểm tra chất lượng sản phẩm; kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định pháp luật các vụ việc vi phạm trên lĩnh vực nông nghiệp (mua, bán, trao đổi vật tư nông nghiệp, hàng nông sản kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ,...).

7. Tiếp tục rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành chè

a) Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách Trung ương, tỉnh, huyện đã ban hành, huy động nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách mới nhằm thúc đẩy phát triển ngành chè theo hướng hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về đất đai trong sản xuất; tập trung nguồn lực đầu tư theo chiều sâu để hình thành chuỗi ngành hàng chè có giá trị gia tăng cao, đáp ứng năng lực cạnh tranh quốc tế; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ sản xuất sản phẩm hàng hóa, an toàn, chất lượng, GAP, hữu cơ, cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, chế biến, bảo quản; hỗ trợ phát triển chế biến sâu, tích hợp đa giá trị sản phẩm; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn mác, quảng bá, xây dựng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất tập trung (*hạ tầng giao thông, thủy lợi, giống cây trồng, hệ thống tưới thông minh, công nghệ chế biến, công nghệ bảo quản...*).

b) Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành chè:

Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phát triển ngành chè, lồng ghép đề án, dự án, chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, chế biến chè. Giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã tìm kiếm và đầu tư các công nghệ sản xuất, chế biến nhằm sản xuất các mặt hàng chè đạt tiêu chuẩn quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng thị trường tiêu thụ của các nước nhập khẩu. Quan tâm chú trọng đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ năng trồng, chăm sóc, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trà cho người đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đảm bảo đủ khả năng tham gia liên kết chuỗi giá trị phát triển cây chè và sản phẩm trà của xã. Từng bước nâng cao sản lượng, chất lượng và giá trị của trà Thanh Định đồng đều với các vùng sản xuất chè trong huyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp xã:

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cụ thể hàng năm; Tuyên truyền vận động người trồng chè sản xuất theo nhóm hộ (Tổ hợp tác, Hợp tác xã) để sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP, chè hữu cơ

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm (*trước ngày 05/12*) báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về UBND xã.

2. Cán bộ nông nghiệp:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch. Tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm, trong đó xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất phát triển chè.

- Phối hợp với cán bộ địa chính, cán bộ khuyến nông tham mưu cho UBND xã trong việc lập bản đồ quy hoạch vùng trồng; rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của từng xóm để xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu chất lượng cho chế biến. Số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp theo nhu cầu để phát triển mở rộng diện tích trồng chè trên địa bàn toàn xã đến năm 2030 đạt 231,74 ha.

- Tham mưu rà soát đề nghị điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành chè.

- Phối hợp với các phòng ban chuyên môn cấp trên để xây dựng kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trà và các sản phẩm từ chè.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm trà Thanh Định quản lý vật tư đầu vào, quy trình sản xuất, chế biến, nhãn mác, an toàn thực phẩm, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trà. Nâng cao năng lực quản lý vật tư nông nghiệp, quản lý sản xuất kinh doanh giống cây trồng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phối hợp quản lý, kiểm tra, đánh giá doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, kiểm tra chất lượng sản phẩm; kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định pháp luật các vụ việc vi phạm trên lĩnh vực nông nghiệp (mua, bán, trao đổi vật tư nông nghiệp, hàng nông sản kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ,...).

3. Cán bộ khuyến nông:

Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, cơ cấu giống, thời vụ, quy trình kỹ thuật sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất an toàn, hữu cơ; chuyển giao ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ. Tuyên truyền, hướng dẫn các vùng trồng chè chủ

động xây dựng hồ sơ, đăng ký cấp mã số vùng trồng đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

4. Đối với các xóm có diện tích trồng chè:

- Tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ phát triển ngành chè tại địa phương.

- Vận động bà con nông dân sử dụng các giống chè mới cho năng suất, chất lượng cao vào sản xuất thay thế các giống chè cũ năng suất, chất lượng thấp. Thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP, chè hữu cơ.

- Thương xuyên nắm bắt tình hình sản xuất chè của người dân và báo cáo về UBND thông qua cán bộ chuyên môn phụ trách lĩnh vực nông nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TU', của UBND xã Thanh Định. Yêu cầu cán bộ, công chức, ban, ngành, đoàn thể liên quan, các xóm trên địa bàn xã tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- BCĐ sản xuất;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phùng Văn Đăng

**Phụ lục 1. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH
CHÈ THANH ĐỊNH, HUYỆN ĐỊNH HÓA GIAI ĐOẠN 2025-2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / 5/2025 của UBND xã)

TT	Nội dung	Đơn vị	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch đến năm 2030	Cán bộ chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Diện tích trồng chè	Ha	176,74	231,74	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông
2	Sản lượng	Tấn	2070	2700	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông
3	Diện tích được chứng nhận sản xuất VietGAP, hữu cơ	Ha	8,3	162,2	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông
4	Diện tích được cấp mã vùng trồng	Ha	0	182	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông
5	Số cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm	%	100	100	Cán bộ nông nghiệp
6	Doanh nghiệp, hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm	%	0	100	Cán bộ văn hoá
7	Sản phẩm trà được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP	Sản phẩm	0	01	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông
8	Sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số	%	0	100	Cán bộ nông nghiệp

9	Giá trị sản phẩm chè/ha	Triệu đồng	310	450	Cán bộ nông nghiệp; CC văn phòng thống kê
---	-------------------------	---------------	-----	-----	---

**Phụ lục 2. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI KẾ
HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11 -NQ/TU**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /5/2025 của UBND xã)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Ban, ngành chủ trì	Cơ quan, ban, ngành phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ trọng tâm			
1	Tổ chức phổ biến, quán triệt, học tập Nghị quyết số 11-NQ/TU	BCĐ sản xuất; Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông	Hội nông dân; Hội Phụ nữ; Đoàn thanh niên; CC Văn phòng thống kê; CC Văn hoá	Quý I năm 2025
2	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU	Cán bộ nông nghiệp	Các ban ngành liên quan	Tháng 4 năm 2025
3	Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch mở rộng diện tích trồng chè	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông; các trưởng xóm	Các ban ngành liên quan	Hàng năm
4	Triển khai mở rộng diện tích sản xuất chè được cấp chứng nhận đạt tiêu tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông; các trưởng xóm	Các ban ngành liên quan	Hàng năm
5	Triển khai, hướng dẫn các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè thực hiện đảm bảo quy định an toàn thực phẩm	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông; các trưởng xóm	Các ban ngành liên quan	Hàng năm
6	Triển khai ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông; Cán bộ văn hoá	Các phòng, ban, ngành của huyện; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
7	Phát triển sản phẩm trà được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ khuyến nông; các HTX	Các phòng, ban, ngành của huyện; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm

8	Triển khai phát triển sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số	Cán bộ nông nghiệp; Cán bộ văn hoá	Các phòng, ban, ngành của huyện; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
9	Triển khai phát triển sản phẩm du lịch, phát triển các mô hình du lịch gắn với sản xuất kinh doanh và văn hóa trà	Cán bộ văn hoá	Các phòng, ban, ngành của huyện; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
10	Kế hoạch tuyên truyền quảng bá văn hóa trà gắn với du lịch	Cán bộ văn hoá	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm
11	Nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của các vùng chè trên địa bàn xã gắn với nâng cao giá trị cây chè và sản phẩm trà Thanh Định .	Cán bộ văn hoá	Phòng Nông nghiệp và Môi trường; Phòng Tài chính; ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
12	Quy hoạch các không gian lễ hội, không gian thương trà...	Cán bộ văn hoá	các phòng, ban, ngành của huyện; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
13	Triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đầu tư chế biến sâu đa sạng các sản phẩm trà và sản phẩm từ chè	Cán bộ văn hoá	Các phòng, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
14	Xây dựng Kế hoạch phát triển thương hiệu, phát triển tài sản trí tuệ	Cán bộ văn hoá	Các phòng, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
15	Triển khai các hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trà	Cán bộ nông nghiệp	Các phòng, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
16	Tuyên truyền kiến thức về hội nhập quốc tế	Cán bộ nông nghiệp	Các phòng, ban, ngành của huyện;	Hàng năm

			UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị liên quan	
17	Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển giao, hướng dẫn, kỹ năng trồng, chăm sóc, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trà cho người làm chè, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đảm bảo đủ khả năng tham gia liên kết chuỗi giá trị phát triển cây chè và sản phẩm trà của xã.	Cán bộ khuyến nông; Các trưởng xóm	Các phòng, ban, ngành liên quan	Hàng năm
18	Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy phát ngành chè	Cán bộ nông nghiệp	Các phòng, ban, ngành của huyện; ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025

Phụ lục 3. GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÈ GIAI ĐOẠN 2025-2030 CHO CÁC XÓM

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /5/2025 của UBND xã Thanh Định)

Stt	Xóm	Diện tích trồng chè (ha)		Diện tích chè cho thu hoạch (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (ha)		Diện tích chè được cấp chứng nhận GAP, hữu cơ (ha)		Trong đó:				Diện tích chè được cấp mã số vùng trồng (ha)	
		Hiện trạng năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng đến năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng VietGAP đến năm 2024	KH VietGAP đến 2030	Hiện trạng hữu cơ đến năm 2024	KH hữu cơ đến 2030	Hiện trạng	KH đến 2030
1	Bản Piềng	0,90	8,00	13,6	21,6	117	120	252,7	259,2		15,1		15,1		15,1		15,1
2	Nguyên Bình	0,46	4,06	17,3	21,36	117	120	159,1	256,3	8,3	14,9	8,3	14,9		14,9		14,9
3	Thanh Phong	1,35	12,00	25,9	37,9	117	120	202,2	454,8		26,5		26,5		26,5		26,5
4	Thanh Trung	0,47	4,20	22,0	26,9	117	120	267,4	322,8		18,8		18,8		18,8		18,8
5	Trung Tâm	2,55	22,54	15,3	37,3	117	120	189,0	447,6		26,1		26,1		26,1		26,1
6	Thanh Xuân	0,10	0,88	18,4	19,28	117	120	225,2	231,3		13,4		13,4		13,4		13,4
7	Nà Chèn	0,10	0,88	10,3	11,18	117	120	130,5	134,1		7,82		7,82		7,82		7,82
8	Văn Lang	0,04	0,35	15,4	15,75	117	120	193	189		11,0		11,0		11,0		11,0
9	Đồng Chua	0,25	2,21	38,2	40,41	117	120	456	484,9		28,6		28,6		28,6		28,6
	Tổng	6,22	55	176,74	231,7			2075	2780	8,3	162,2	8,3	162,2		162,2		162,2

